

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
Y TẾ DANAMECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17./DNM

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2024

"V/v: Công bố Báo cáo thường niên
2023"

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
 - Mã chứng khoán: DNM
 - Địa chỉ: Số 12 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 - Điện thoại liên hệ: 0905618959
 - E-mail: info@danameco.com
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2023
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/4/2024 tại đường dẫn: www.danameco.com, mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo thường niên năm
2023

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2023

CHUNG TAY VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

DANAMECO được thành lập từ năm 1976, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất và kinh doanh vật tư y tế; phân phối sản phẩm tại hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc và các bệnh viện tuyến trung ương

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

ĐỊA CHỈ:

12 TRỊNH CÔNG SƠN, QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐIỆN THOẠI:

(+84) 0236 3641212

EMAIL:

info@danameco.com

WEBSITE:

www.danameco.com

MÃ SỐ THUẾ:

0400102101

MÃ CHỨNG KHOÁN:

DNM



100
TỔNG
C
ĐÀ
NẴNG

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2024


NỘI DUNG	
I	THÔNG TIN CHUNG
1	Thông tin khái quát
2	Quá trình hình thành và phát triển
3	Nghành nghề và địa bàn kinh doanh
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5	Định hướng phát triển Tổng công ty
5.1	Các mục tiêu chính
5.2	Các chiến lược phát triển trung và dài hạn
6	Các rủi ro
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Tình hình tổ chức và nhân sự
2.1	Nhân sự chủ chốt
2.2	Thay đổi trong Ban điều hành
2.3	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
3	Tình hình đầu tư
4	Tình hình tài chính
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5.1	Cổ phần
5.2	Cơ cấu Cổ đông
5.3.	Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.
5.4.	Giao dịch cổ phiếu quỹ
5.5.	Các chứng khoán khác
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Tình hình tài chính
3	Kế hoạch phát triển năm 2024
4	Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán
5	Đánh giá của ban giám đốc đối với các chỉ tiêu môi trường
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024
V	QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
1	Hội đồng quản trị
1.1	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị
1.2	Hoạt động Hội đồng quản trị
1.3	Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
2	Ban kiểm soát
2.1.	Thành viên và Cơ cấu Ban kiểm soát
2.2.	Hoạt động của Ban kiểm soát
2.3	Thành viên Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
3	Các giao dịch, thù lao, lương và các khoản lợi ích khác
4	Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ
5	Đánh giá về thực hiện các quy định về quản trị Công ty
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
1	Ý kiến kiểm toán
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu/Chữ cái	Thuật ngữ/Cụm từ đầy đủ
HDQT	Hội Đồng Quản Trị
BKS	Ban Kiểm Soát
BGD	Ban Giám Đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Tổng Công ty	Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- ❖ Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**
- ❖ Tên tiếng Anh: **DANAMECO MEDICAL JOINT STOCK CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt: **DANAMECO**
- ❖ Logo: 
- ❖ Trụ sở chính: 12 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại: (+84) 0236 3641212
- ❖ Email: info@danameco.com
- ❖ Website: www.danameco.com
- ❖ Vốn điều lệ: **52.530.700.000 VND**
- ❖ Mã cổ phiếu: **DNM**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0400102101** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03/08/2023.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO là Trạm Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng, được Sở Y tế Quảng Nam - Đà Nẵng thành lập từ năm 1976, nhằm thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hàng viện trợ y tế để khắc phục hậu quả sau chiến tranh. Đến năm 1986, Trạm Vật tư y tế đổi tên thành Công ty Thiết bị vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí như giường, tủ, bàn sinh, ... cung cấp cho các bệnh viện trong tỉnh.

Năm 1997, khi Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng tách thành hai đơn vị hành chính thì Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Y tế, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam lấy tên là Công ty Thiết bị Y tế TW 3 Đà Nẵng theo Quyết định số 34/BYT-QĐ của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 13/ 01/1997.

Năm 2004, thực hiện chủ trương Cổ phần hoá các Doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO theo Quyết định số 3596/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 12/10/2004 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2005.

Ngày 23/11/2010, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu công ty. Ngày 03/8/2023, Công ty nhận được thông báo số 2579/TB-SGDHN ngày 21/7/2023, theo đó, ngày 07/8/2023, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại UPcom.

Hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Danameco đã không ngừng phát triển về mọi mặt, sản xuất và cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao đảm bảo các tiêu chuẩn trong và ngoài nước, là đối tác đáng tin cậy của khách hàng, góp phần phục vụ đắc lực cho sự nghiệp y tế nước nhà. Ghi nhận các nỗ lực này, trong các năm qua Danameco đã nhận được nhiều huân chương, bằng khen, cờ thi đua của các cấp từ Trung ương đến địa phương.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ❖ **Sản xuất vật tư y tế, thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng**
Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật tư y tế; Sản xuất khẩu trang, bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và sản xuất các sản phẩm phục vụ cấp cứu chấn thương, thiên tai, địch họa;
- ❖ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**
Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị y tế; Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- ❖ **Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu**
Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường;
- ❖ **Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác**
Đảm nhận công tác hậu cần cho các chương trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- ❖ **Sửa chữa thiết bị khác**
Dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế;

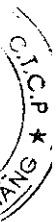
3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong nước.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

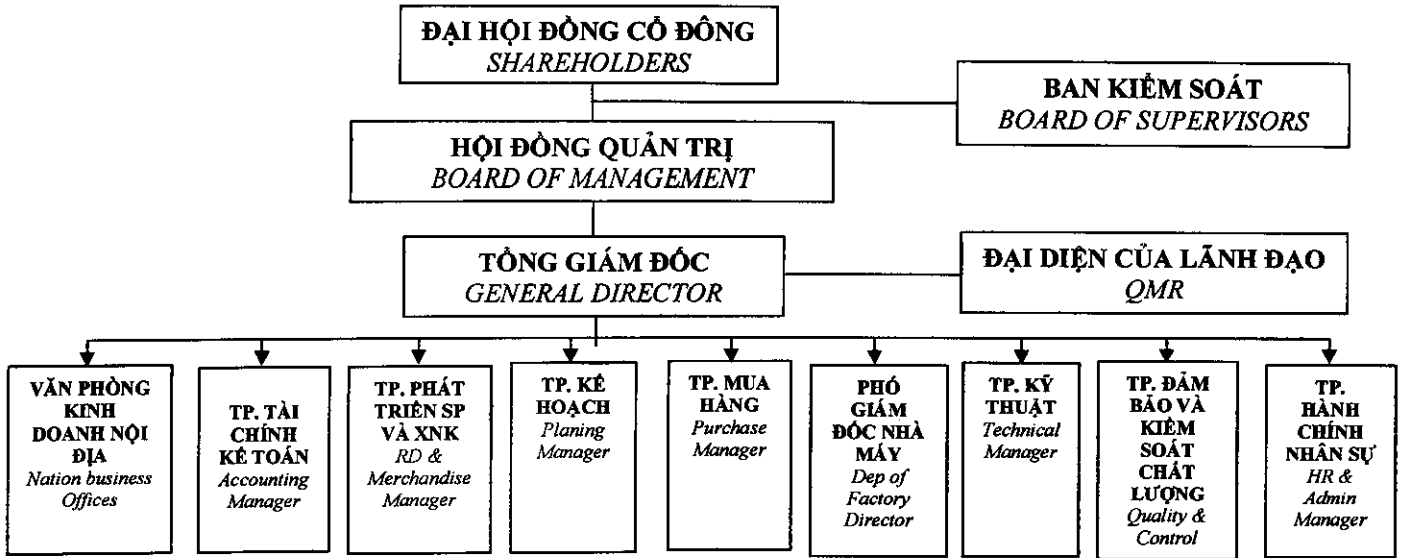
Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và phối hợp cùng Ban điều hành Tổng Công ty có những chiến lược, giải pháp phù hợp trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, luôn bám theo mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, đảm bảo cho công tác điều hành và quản lý công ty hiệu quả.

Tổng Công ty không có công ty con, công ty liên kết. Tổng Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình quản lý trực tuyến và chức năng. Đây là cách tiếp cận theo hàng dọc, chuyên môn hóa dựa trên chức năng của các đơn vị, các phòng ban trực thuộc. Tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và nhân lực.

Bên cạnh đó, việc tối ưu hóa các vị trí chủ chốt giúp công ty nâng cao hiệu quả kiểm soát các hoạt động, hỗ trợ kịp thời và đồng thời giảm chi phí, tập trung đẩy mạnh doanh thu. Kế hoạch năm 2024, Tổng công ty vẫn tiếp tục cải thiện và nâng cấp bộ máy tổ chức để phù hợp hơn với tình hình hoạt động và kế hoạch phát triển sắp tới.



Cơ cấu bộ máy quản lý năm 2023



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY.

Các mục tiêu chính

- ❖ Tôn chỉ hoạt động của Danameco là mang đến những lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo công ăn việc làm ổn định và thu nhập tốt nhất cho người lao động, quyền lợi tối đa cho cổ đông và đảm bảo an sinh xã hội.
- ❖ Phần đầu là Doanh nghiệp tiên phong, Doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành sản xuất và kinh doanh Trang thiết bị y tế tại Việt Nam.
- ❖ Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững, đóng góp vào sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Chung tay vì sức khỏe cộng đồng.

Các chiến lược phát triển trung và dài hạn

2.1. Chiến lược sản phẩm

- ❖ Mở rộng thị trường cho các sản phẩm vật tư tiêu hao, đặc biệt là mặt hàng Khẩu trang y tế dùng một lần, trang phục bảo hộ, trang phục phẫu thuật.
- ❖ Tăng cường quảng bá thương hiệu, tổ chức giới thiệu sản phẩm tại các khu vực mà Danameco đang có chiến lược chiếm lĩnh, đẩy mạnh sản phẩm ra thị trường EU, Mỹ.
- ❖ Là đại lý phân phối sản phẩm của các hãng chuyên về các sản phẩm y tế nổi tiếng như: Rvent (Thổ Nhĩ Kỳ); Vadi (Đài Loan); TG Medical (Malaysia); Atrasorb (Brazil); Durico (Hàn Quốc), ... và tiếp tục nghiên cứu làm đại lý cho một số hãng có uy tín ở nước ngoài về trang thiết bị y tế để có nguồn hàng tốt chủ động trong công tác phát triển kinh doanh.
- ❖ Đẩy mạnh việc xuất khẩu các mặt hàng Danameco sản xuất sang các thị trường nước ngoài nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- ❖ Chú trọng công tác nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến trong sản xuất, nghiên cứu triển khai và phát triển sản phẩm mới.

2.2. Chiến lược Marketing

- ❖ Duy trì mối quan hệ uy tín và bền vững với các nhà cung cấp trang thiết bị y tế lớn, tăng cường công tác dự báo thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu và hàng hóa với giá cả ổn định, giảm thiểu những tác động khi có biến động thị trường.
- ❖ Phát triển mở rộng các thị trường ngách và thị trường xuất khẩu, đặc biệt các nước phát triển, có chuẩn mực và sự đầu tư cao cho mảng y tế như Singapore, Nhật, Mỹ, EU.
- ❖ Ra sức cải thiện chất lượng dịch vụ của các kênh phân phối truyền thống. Mở rộng và phát triển đa dạng hóa các các kênh phân phối khác để phủ kín thị trường tiêu thụ sản phẩm do Danameco sản xuất.
- ❖ Tiếp cận trực tiếp đến các nhóm khách hàng mục tiêu, tối đa hóa lợi ích hai bên.
- ❖ Xây dựng Danameco trở thành thương hiệu nổi tiếng và thân thiện trong khu vực. Đưa Danameco trở thành một trong những nhà sản xuất Băng băng gạc, Khẩu trang y tế, Cấp cứu chấn thương, Phòng chống dịch bệnh, ... nhà cung cấp Trang thiết bị y tế uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

2.3. Chiến lược tài chính

- ❖ Cấu trúc cơ cấu nguồn vốn phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, quản lý nghiêm ngặt công nợ phải thu, công nợ phải trả để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

- ❖ Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, phát hành thêm cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động phục vụ mở rộng sản xuất, giảm đòn cân nợ, các rủi ro thanh toán và tăng lợi nhuận.
- ❖ Đảm bảo cơ cấu tài chính phù hợp với thực tế, tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Danameco, hạn chế tối đa rủi ro trong việc sử dụng vốn vay trong điều kiện lãi suất tăng đột ngột.

2.4. Chiến lược nguồn nhân lực

- ❖ Xây dựng Cán bộ nguồn để đáp ứng cho định hướng phát triển của Tổng Công ty trong tương lai.
- ❖ Đào tạo thường xuyên nhằm bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- ❖ Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho nguồn nhân lực hiện có.
- ❖ Xây dựng và thực thi các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo xu hướng hội nhập và lợi thế ngành.
- ❖ Với nhiều chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động. Giữ vững nguồn lực lao động để ổn định và phát triển sản xuất bền vững.

2.5. Công tác tổ chức - quản lý.

- ❖ Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật.
- ❖ Hoàn thiện và nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự.
- ❖ Xây dựng cơ chế lương, thưởng hợp lý. Động viên, khuyến khích CBCNV gắn bó lâu dài, tự giác và chuyên nghiệp trong công việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Danameco.
- ❖ Áp dụng và duy trì hiệu quả các Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2017. Nâng tầm thương hiệu, giữ vững uy tín với khách hàng.

2.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- ❖ Với sứ mệnh “*Vì mục tiêu sức khỏe cộng đồng và không ngừng phát triển*”, đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Danameco.
- ❖ Cung cấp sản phẩm Trang thiết bị y tế, phục vụ công tác khám chữa bệnh toàn dân.
- ❖ Tham gia đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ đối với xã hội: đóng góp quỹ máu ấm tình thương, quỹ người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai...

6. CÁC RỦI RO

- ❖ Kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với những khó khăn và bất ổn.
- ❖ Với chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài cùng với sự phát triển mạnh về nhu cầu Trang thiết bị y tế đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các Công ty chuyên ngành cung cấp trang thiết bị y tế nói chung và Danameco nói riêng.
- ❖ Ngành trang thiết bị y tế chịu sức ép của tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp, trong đó có Danameco không ngừng có sự cải tiến sáng tạo trong công nghệ sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của thị trường hiện tại, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đây là một thách thức lớn đối với Công ty vì muốn bắt kịp với tốc độ phát triển cần phải có chi phí rất lớn cho cả trang thiết bị, kỹ thuật, cơ sở hạ

tăng, nhân sự lẫn chi phí đào tạo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đvt: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so KH	% so với năm 2022
1	Doanh thu	321.285.100.525	269.031.653.940	217.676.024.169	81%	68%
2	Lợi nhuận trước thuế	-83.695.029.145	-41.524.656.643	-54.339.015.439	76%	154%
3	Thuế TNDN 20%	133.116.081	0	0	0	0
4	Lợi nhuận sau thuế	-83.828.145.226	-82.686.622.762	-54.339.015.439	152%	154%

Nhận xét:

- Tổng doanh thu trong năm 2023 là 217,67 tỷ đồng, hoàn thành 62% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN -54,34 tỷ đồng, tăng 35% tỷ đồng so với năm 2022.

Nguyên nhân:

Năm 2023, công ty đã có sự cải thiện trong việc nâng cao hiệu quả từ lợi nhuận gộp bằng cách tập trung sản xuất các mặt hàng có lợi nhuận cao, cắt giảm các mặt hàng không hiệu quả.

Bên cạnh đó đẩy mạnh các chính sách nhằm tiết kiệm các chi phí vận hành trong năm 2023 như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên chi phí từ đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng để sản xuất các mặt hàng chống dịch ở các năm trước, theo đó dù lượng máy móc mới không được tham gia vào hoạt động sản xuất trong kỳ nhưng vẫn phải trích khấu hao theo quy định, cũng như đầu tư nâng cấp sửa chữa nhà máy để đáp ứng với yêu cầu của khách hàng quốc tế ở bước đầu thâm nhập thị trường chưa mang lại hiệu quả nên đã dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn âm trong năm 2023

2. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Nhân sự chủ chốt:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu
1	Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	09/05/1980	Cử nhân tài chính ngân hàng	Bổ nhiệm ngày 16/01/2021		1.177.599
2	Văn Đức Minh Tuấn	Tổng giám đốc	05/04/1986	Kỹ sư	Bổ nhiệm ngày 27/01/2023.	Miễn nhiệm ngày 03/08/2023	0
3	Bà Ngô Thị Thúy	Tổng Giám đốc	10/09/1992	Cử nhân quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021;	Miễn nhiệm ngày 27/01/2023	0

3	Bà Ngô Thị Thúy	Tổng Giám đốc	10/09/1992	Cử nhân quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021;	Miễn nhiệm ngày 27/01/2023	0
4	Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính kiêm Phụ trách kế toán	01/01/1993	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	Bổ nhiệm 13/12/2022.		0
5	Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng giám đốc	05/09/1983	Thạc sĩ kế toán	Bổ nhiệm ngày 03/08/2023		54

Thay đổi trong Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua miễn nhiệm Bà Ngô Thị Thúy thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco kể từ ngày 27/01/2023.

2. Hội đồng quản trị Miễn nhiệm Ông Văn Đức Minh Tuấn thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco kể từ ngày 03/08/2023.

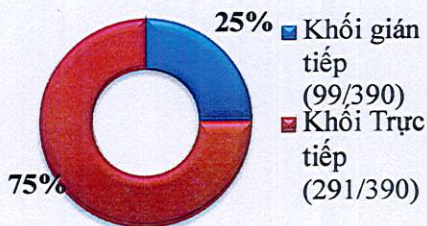
3. Hội đồng quản trị Bổ nhiệm Bà Nguyễn Đình Phương Nam giữ chức giữ chức vụ Tổng giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco kể từ ngày 03/08/2023.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

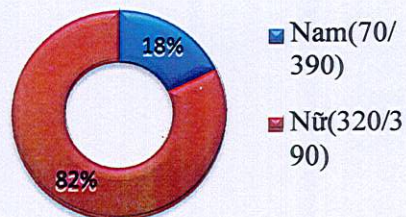
Tổng số lao động của Tổng Công ty Cp Y tế Danameco tính đến thời điểm 31/12/2023 là 390 Cán bộ công nhân viên. Cụ thể như sau:

Nội dung	Giới tính		Tính chất công việc		Trình độ học vấn		
	Nam	Nữ	Trực tiếp	Gián tiếp	Đại học, trên đại học	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	Khác
Số lượng (người)	70	320	291	99	47	56	287

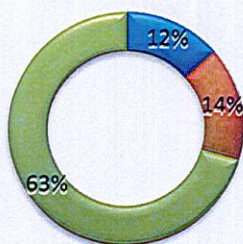
Tính chất công việc



Giới tính



Trình độ học vấn



- Đại học và trên đại học(47/390)
- Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp(56/390)
- Khác(247/390)

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- Con người là yếu tố quyết định ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Tổng Công ty thực hiện tốt các chính sách là quyền lợi chính đáng của Người lao động, thực hiện ký hợp đồng lao động, tham gia đóng BHXH và thực hiện chính sách nghỉ mát, du lịch hằng năm. Ngoài chế độ quy định, Tổng Công ty còn vận dụng các chính sách đãi ngộ như: thăm hỏi ốm đau, cưới xin, tang điếu, sinh nhật.
- Tổ chức đào tạo cho công nhân đảm bảo 100% công nhân được đào tạo sản xuất theo quy trình dây chuyền công nghệ, quản lý sản xuất theo yêu cầu Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GSP, thực hiện phong cách văn hoá doanh nghiệp “DANAMECO vì sức khoẻ cộng đồng”.
- Công tác bảo hộ lao động được Tổng Công ty đặc biệt chú trọng, trang bị đủ các phương tiện bảo hộ an toàn vệ sinh lao động và trang bị đủ bình chữa cháy, hệ thống nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, và các phương tiện Phòng cháy chữa cháy khác, tổ chức huấn luyện thường xuyên hằng năm cho CBCNV về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, Trong những năm qua chưa để xảy ra một trường hợp tai nạn lao động nào, được các cơ quan chức năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy thành phố và Bộ y tế đánh giá cao qua các lần kiểm tra hằng năm.
- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, quy ước văn hoá công sở, các quy chế nội bộ khác chặt chẽ, đồng bộ nhằm cụ thể hoá các quy định về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách đãi ngộ cho người lao động, tạo hành lang pháp lý trong các hoạt động, công khai hoá các quy định của Tổng Công ty trên các lĩnh vực. Tổng Công ty cam kết thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong nội bộ doanh nghiệp, nhằm công khai, minh bạch và dân chủ, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, phát huy vai trò trách nhiệm và tinh thần hăng say thi đua lao động nhiệt tình của CBCNV.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC TẾ 2023

Năm 2023, Tổng Công ty tạm thời không có dự án đầu tư mới.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	407.096.578.386	305.575.100.803	giảm 25%

Doanh thu thuần	317.899.870.897	217.413.492.188	giảm 32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-71.806.742.827	-38.741.231.764	tăng 46%
Lợi nhuận khác	-11.888.286.318	-15.657.783.675	giảm 32%
Lợi nhuận trước thuế	-83.695.029.145	-54.399.015.439	tăng 35%
Lợi nhuận sau thuế	-83.828.145.226	-54.399.015.439	tăng 35%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	0%	giảm 20%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,79	0,61
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,34	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	89%	98%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	795%	5679%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-31,5%	-25%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-229%	-1029%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-25,6%	-17,8%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	-5%	2.1%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Y tế Danameco
- Mã chứng khoán : DNM
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần : 5.253.070 cổ phiếu (bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi cổ phiếu)
- Vốn điều lệ thực : 52.530.700.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai tỷ năm trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách tại thời điểm 29/05/2023

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Võ Anh Đức	1,177,599	22,42%
2	Nguyễn Thị Hồng Vân	844,200	16,07%
3	Dịp Văn Minh	1.264.320	24,07%
4	Khác	1.966.951	37,44%

Ghi chú: Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước				
	- Cá nhân	257	5.069.311	50.693.110.000	96.50%
	- Tổ chức	1	12	120.000	0,0002%
2	Cổ đông ngoài nước			0	
	- Cá nhân	15	182.187	1.821.870.000	3,47%
	- Tổ chức	1	1.560	15.600.000	0.03%
Tổng cộng:		274	5.253.070	52.530.700.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo CV của UBCKNN cấp cho DNM là 50% theo công văn số 297/UBCK-PTTT ngày 20/5/2022.

5.3. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Trước ngày 08/7/2022, vốn chủ sở hữu là 43.776.050.000(đồng); Từ ngày 08/7/2023 đến nay, vốn chủ sở hữu là 52.530.700.000(đồng)

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên liệu chính để sản xuất là gạch hút nước và bông hút nước; Nguyên liệu đóng gói là Bao ni lông và thùng Carton.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng điện

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm điện và nước hiệu quả trong việc tiết kiệm điện nước khi ra khỏi phòng, khóa nước, tắt nước khi không dùng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước máy

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Mức lao động hiện tại tại Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 390 người và Mức lương trung bình đảm bảo trên mức lương tối thiểu vùng từ 10% đến 20%.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tổng Công ty áp dụng chính sách trách nhiệm xã hội SA8000:2014 và ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo cho người lao động các điều kiện làm việc tốt nhất.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Hàng năm nhân viên được đào tạo tối thiểu 72 tiếng trong một năm. Tùy theo từng cấp bậc và vị trí công việc sẽ có các chương trình đào tạo chuyên môn phù hợp.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tổng Công ty đảm bảo cho toàn bộ nhân viên được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp từ nội bộ, các chương trình đào tạo do Cơ quan nhà nước chủ trì và thuê chuyên gia từ nước ngoài để đào tạo các kỹ năng quản lý đội nhóm, kỹ năng làm việc chuyên môn, cập nhật các quy trình quy định mới.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tổng Công ty tích cực tham gia các hoạt động phong trào tại địa phương doanh nghiệp đặt trụ sở.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm trước 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so KH	% so với năm 2022
1	Doanh thu	321.285.100.52 5	269.031.653.94 0	217.676.024.169	81%	68%
2	Lợi nhuận trước thuế	- 83.695.029.145	- 41.524.656.643	-54.339.015.439	76%	154%
3	Thuế TNDN 20%	133.116.081	0	0	0	0
4	Lợi nhuận sau thuế	- 83.828.145.226	- 82.686.622.762	-54.339.015.439	152%	154%

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm: máy móc thiết bị như máy cuộn gạc, máy chải bông, máy sản xuất khâu trang, máy gấp gạc, máy tiệt trùng, máy sấy, máy nén khí, máy dệt kim, máy cắt cán, máy cắt cuộn, máy in phun, dây chuyền bao bì, dây chuyền sản xuất găng tay...; nhà xưởng, văn phòng; quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tình hình tài sản cố định của Tổng Công ty tại 31/12/2023:

Đvt: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1. TSCĐ hữu hình	147.136.806.028	83.398.748.249	63.738.057.779
2. TSCĐ vô hình	19.499.985.221	-1.022.275.038	18.477.710.183
3. TSCĐ thuê tài chính	86.449.113.113	-64.869.591.308	21.579.521.805

2.2. Tình hình Nợ phải trả

Đvt: đồng

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	Ghi chú
I. Nợ ngắn hạn	283.488.865.718	243.662.347.429	
1. Vay ngắn hạn	159.766.049.991	134.471.381.684	
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	98.651.435,986	91.268.940.132	
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.180.584.307	1.100.388.097	
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	1.772.634.221	2.224.409.662	
5. Phải trả người lao động	9.293.909.249	2.364.319.242	
6. Chi phí phải trả	4.205.676.336	4.571.415.997	
7. Doanh thu chưa thực hiện	127.272.728	61.666.667	
8. Phải trả ngắn hạn khác	942.182.088	1.394.555.136	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.549.120.812	6.205.270.812	
II. Nợ dài hạn	63.924.225.437	56.459.372.645	
1. Vay và nợ dài hạn	63.796.909.122	56.332.056.330	
2. Phải trả dài hạn khác	60.000.000	60.000.000	

2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ❖ Phát triển thêm các phần mềm hỗ trợ cho toàn bộ hệ thống quản lý.
- ❖ Thay đổi cơ cấu tổ chức theo định hướng chuyên nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- ❖ Rà soát, định biên lại lực lượng lao động hợp lý. Quan tâm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về trang thiết bị y tế đối với CBCNV kinh doanh.
- ❖ Điều chỉnh chiến lược giá bán phù hợp từng thời điểm, từng địa bàn nhằm mở rộng và tăng thị phần.
- ❖ Tổng Công ty không ngừng cải tiến máy móc, cải thiện hệ thống chất lượng.
- ❖ Tổng Công ty duy trì các tiêu chuẩn nghiêm ngặt quốc tế, mang về các chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001, ISO 13485 - MDSAP; ISO 11135; MDD – CE. Đây là vị thế cạnh tranh đưa sản phẩm Danameco tiến xa bền vững ra Quốc tế;
- ❖ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện các nội quy, quy chế phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và mô hình quản lý của Tổng Công ty.

3. Kế hoạch phát triển năm 2024

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024

STT	Chỉ tiêu dự kiến	ĐVT	Mục tiêu 2024
1	Doanh thu năm 2024	Đồng	330.091.500.000
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2024 (2)	Đồng	507.388.819

Đối với phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2024, nếu đạt mục tiêu lợi nhuận đề ra năm 2024, HĐQT trình ĐHCĐ thông qua dùng toàn bộ LN năm 2024 để bù lỗ.

3.2. Kế hoạch đầu tư 2024

Năm 2024, Tổng Công ty tạm thời không đầu tư các dự án xây dựng lớn.

3.3. Kế hoạch phát triển con người:

- Ban lãnh đạo tiếp tục duy trì các khóa đào tạo, tư vấn từ các chuyên gia Việt Nam và Quốc tế, tạo điều kiện cho nhân sự phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý của đội ngũ quản lý và nhân viên cấp trung của cty.
- Duy trì gói ngân sách khám sức khỏe Bệnh nghề nghiệp, định kỳ theo năm cho người lao động để khuyến khích sự gắn bó với doanh nghiệp.
- Đầu tư ngân sách chiêu mộ nhân sự có chất lượng, có nhiệt huyết và hướng đến mục tiêu để cty phát triển.

4. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

- ❖ Theo quyết định kiểm kê Tổng Công ty CP Y tế Danameco tổ chức kiểm kê kho, nhưng tại thời điểm đó Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt chưa ký hợp đồng với Tổng Công ty Danameco nên việc không chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho thực tế và quỹ tiền mặt năm 2022.
- ❖ Cuối năm phía Tổng Công ty Danameco cũng đã rất nỗ lực làm thư xác nhận công nợ với phía khách hàng, nhưng do nhiều khía cạnh phản hồi từ bên khách hàng là một số Công ty và bệnh viện thay đổi về nhân sự, nên chưa kịp thời ký xác nhận công nợ tại thời điểm ra báo cáo năm 2023 này. Tổng Công ty Danameco sẽ khắc phục đôn đốc phía khách hàng

ký thư xác nhận vào kỳ báo cáo tiếp để chứng minh về công nợ phải thu đúng với con số trên báo cáo.

- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 chúng tôi có phát sinh khoản doanh thu tạm tính của hoạt động liên kết với bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên là 6.427.288.265 VND và số dư công nợ của hoạt động trên theo lũy kế đến 31/12/2023 là 8.468.062.442 VND chưa xác nhận được công nợ với bệnh viện. Việc ước tính khoản doanh thu dựa trên hợp đồng đã được ký giữa hai bên. Tuy nhiên do quá trình đối chiếu đang cần thời gian để hai bên thống nhất nên hiện tại chúng tôi vẫn đang nỗ lực để hoàn thiện để đảm bảo khoản nợ này được hoàn thành sớm nhất.
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đính kèm đã bao gồm giá vốn hàng bán với số tiền là 5.856.025.914 đồng, doanh thu tương ứng với giá vốn này đã được ghi nhận năm 2021 và Công ty đã phát hành hóa đơn; lập biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa và ghi nhận doanh thu bán hàng trong năm 2022 với số tiền 49.183.486.880 đồng. Do các đối tác đặt hàng với số lượng lớn, để đảm bảo chắc chắn cho việc thực hiện hợp đồng, kế toán đã thực hiện xuất hóa đơn và làm các thủ tục giao nhận để thu tiền hàng. Thực tế hàng vẫn nằm tại kho của Danameco và lập hồ sơ gửi hàng tại kho. Các khách hàng này sau đó đã nhận đủ số hàng theo đúng hóa đơn đã xuất, kế toán đang thực hiện ghi nhận doanh thu tại thời điểm xuất hóa đơn và ghi nhận giá vốn tại các thời điểm hàng thực tế đi ra khỏi kho. Chúng tôi đang rà soát lại các hồ sơ này và có hướng điều chỉnh phù hợp trong thời gian tới.

5. Đánh giá của ban giám đốc đối với các chỉ tiêu môi trường:

Tổng công ty đã thực hiện tốt các công tác liên quan đến môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- ❖ Hoàn thành được mục tiêu xây dựng và vận hành hệ thống Trách nhiệm xã hội SA8000:2014 trên các yếu tố: Cam kết không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức; Đảm bảo sức khỏe an toàn lao động cho người lao động; Đảm bảo chế độ, phúc lợi cho người lao động; Sản xuất không quên bảo vệ môi trường xung quanh.
- ❖ Cùng với sự quyết tâm và đồng thuận cao của đội ngũ lao động có tay nghề, gắn bó với Tổng Công ty; đã từng bước nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh Danameco đối với khách hàng và nhà đầu tư.
- ❖ Tài chính Danameco đang dần được kiểm soát tốt, song song với những chiến lược phát triển cụ thể và toàn diện, tạo điều kiện Tổng Công ty có được định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

- ❖ Ban điều hành Tổng Công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- ❖ Triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- ❖ Phối hợp tốt với HĐQT, Ban kiểm soát và các Đoàn thể để triển khai các vấn đề một cách kịp thời, nhất quán. Phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền

vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng Công ty, Nhà nước, của các Cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

- ❖ Ổn định tài chính
- ❖ Tiếp tục chuẩn hóa quy trình sản xuất, duy trì dây chuyền sản xuất theo các quy chuẩn quốc tế; Đa dạng hóa nguồn cung ứng nội địa;
- ❖ Nghiên cứu cơ hội mở rộng công suất nhà máy, đáp ứng đủ các đơn hàng Quốc tế và tạo thêm cơ hội việc làm cho địa phương;
- ❖ Ưu tiên phát triển công nghệ sản xuất, công nghệ làm việc trực tuyến để tạo lợi thế cạnh tranh;
- ❖ Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số cổ phần	Tỷ lệ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1.	Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc dự án	05/05/2017 (Bổ nhiệm chủ tịch HĐQT ngày 07/07/2022)		1.177.599	22,4%
2.	Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT không điều hành	08/06/2018		252.600	4,81%
3.	Bà Huỳnh Thị Li Li	Thành viên HĐQT không điều hành	25/6/2022		0	0%

1.2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban thuộc HĐQT bao gồm: Thư ký Hội đồng quản trị.

Giúp việc cho Hội đồng quản trị và hỗ trợ cho các cổ đông là Thư ký HĐQT và Người được ủy quyền công bố thông tin:

- Phụ trách Công bố thông tin: Bà Phan Thị Thanh Tài tiếp nhận công việc Người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 14/6/2021.

- Thư ký HĐQT: Bà Phan Thị Thanh Tài tiếp nhận công việc Thư ký HĐQT từ ngày 02/7/2021

1.3. Hoạt động HĐQT:

- ❖ Ngày 26/06/2023: Tổng công ty Cổ phần Y tế Danameco tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- ❖ Trong năm 2023, HĐQT đã triệu tập 12 cuộc họp HĐQT tập trung với sự tham của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.
- ❖ Bên cạnh các quyết định thuộc thẩm quyền liên quan đến kế hoạch, phương hướng triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), đơn giá tiền lương cho các đơn vị; HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- ❖ Ngoài việc theo dõi kết quả các báo cáo bằng thư điện tử, điện thoại của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành về các hoạt động SXKD; hằng tháng, Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát để rút kinh nghiệm và xử lý các vướng mắc trong công việc.

1.4. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2023, thành viên HĐQT và ban lãnh đạo công ty không tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty. Dự kiến năm 2024 khi tình hình công ty ổn định, HĐQT và ban lãnh đạo công ty sẽ tích cực tham dự các khóa đào tạo phù hợp.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban kiểm soát		Số cổ phần	Tỷ lệ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1.	Nguyễn Đình Phương Nam	Trưởng ban kiểm soát	28/05/2016	Đã có đơn từ nhiệm Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát và được Ban kiểm soát chấp thuận từ ngày 28/07/2023	54	0,001%
2.	Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên BKS	08/06/2018		0	0%
3.	Trương Văn Bảy	Thành viên BKS	10/06/2021		0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm Soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công Ty, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh và sản xuất của Tổng Công Ty năm 2023.
- Sau đại hội, Ban Kiểm Soát đã tổ chức họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm Soát đã thực hiện việc mời thầu các đơn vị kiểm toán trên Website DNM theo đúng quy trình và đã đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023.
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
- Kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá kịp thời, hợp lý của các số liệu tài chính và giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.
- Tham gia, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT được ban hành trong năm 2023.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ của Tổng Công Ty.
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

3.1. Thù lao, lương và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023, Hội đồng quản trị, tiểu ban thuộc HĐQT, Ban kiểm soát không nhận thù lao, lương và các khoản lợi ích nhằm chia sẻ khó khăn với Công ty.

3.2. Các giao dịch cổ phiếu trong năm 2023 của người nội bộ:

Không có.

4. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có giao dịch trong năm 2023

5. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Tuy vậy, năm 2023, Công ty chưa hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra như sau:

- Doanh thu thuần thực hiện so với kế hoạch: 81%
- Lợi nhuận trước thuế TNDN thực hiện so với kế hoạch: 76%

Mặc dù vậy, HĐQT, BKS và Tổng giám đốc đã phối hợp thực hiện công việc theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ một cách nhịp nhàng và hiệu quả đảm bảo việc điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT và BKS được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty được thực hiện đúng theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm nêu trên và ảnh hưởng lũy kế của chúng đến báo cáo tài chính năm 2023.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thu xác nhận các khoản nợ phải thu ngắn hạn khách hàng tại thời điểm 31/12/2022 là 17,94 tỷ VND; tại thời điểm 31/12/2023 là 24,73 tỷ VND; các khoản ứng trước cho người bán tại thời điểm 31/12/2023 là 4,83 tỷ; các khoản phải trả cho người bán tại thời điểm 31/12/2023 là 4,28 tỷ. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả chưa được xác nhận nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đính kèm đã bao gồm doanh thu tạm tính của hoạt động liên kết với Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, số tiền 6.427.288.265 VND(Thuyết minh VI.1), số dư công nợ phải thu của hoạt động trên lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 8.468.062.442 VND chưa được xác nhận(Thuyết minh V.5a). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, chính xác vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2022 đính kèm đã bao gồm giá vốn hàng bán với số tiền là 5.856.025.914 đồng; doanh thu tương ứng với giá vốn này đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm 2021. Việc ghi nhận các giao dịch phát sinh như trên là chưa đảm bảo nguyên tắc phù hợp của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty đã phát hành hóa đơn; lập biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa và ghi nhận doanh thu bán hàng trong năm 2022 với số tiền 49.183.486.880 đồng. Tuy nhiên, thời gian thể hiện trên các phiếu xuất, các bút toán xuất kho và hạch toán giá vốn đối với lượng hàng nêu trên đều được ghi nhận sau thời điểm ghi nhận doanh thu. Do sự không hợp lý về thời điểm ghi nhận doanh thu và giá vốn tại hồ sơ kế toán như trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giao dịch mua, bán các lô hàng này và ảnh hưởng của chúng đến các giao dịch, số dư khác của Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính

kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.8 về việc:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là năm tài chính thứ hai Công ty tiếp tục bị lỗ, số lỗ năm 2023 là 54.399.015.439 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 116.890.910.208 VND đã chiếm phần lớn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 48.678.119.077 VND. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công Ty.

Tuy nhiên, Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh chính của đơn vị trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 41.838.116.726 VND, 14.160.753.275 VND. Đồng thời, ban lãnh đạo đã tìm kiếm sự hỗ trợ của bên thứ 3 là ngân hàng và các cá nhân về vốn kinh doanh để cố gắng hồi phục kinh tế.

Ngoài ra Ban lãnh đạo Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của chúng tôi.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty chúng tôi kiểm toán có dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại do thay đổi phương pháp khấu hao được trình bày tại thuyết minh số V1.9.

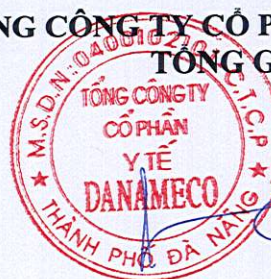
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023:

- ❖ Bảng cân đối kế toán (đính kèm).
- ❖ Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (đính kèm).
- ❖ Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đính kèm).

Nơi nhận:

- SGDC KHN;
- HĐQT, BKS TCT;
- BGĐ TCT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Phương Nam

C.T.C.P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.153.137.289	269.867.230.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.261.327.493	15.667.155.913
1. Tiền	111		1.631.327.493	11.797.155.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.000.000	3.870.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	6.337.080.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	500.000.000	6.337.080.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.837.931.337	75.853.339.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.368.870.492	66.964.221.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.489.299.695	12.652.828.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.618.029.169	4.806.659.236
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.638.268.019)	(8.570.369.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.170.906.168	126.517.137.406
1. Hàng tồn kho	141	V.7	87.901.627.184	128.817.681.848
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.730.721.016)	(2.300.544.442)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.382.972.291	45.492.517.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.071.304.647	3.680.289.073
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.911.538.107	41.398.845.998
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	400.129.537	413.382.447
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.421.963.514	137.229.347.741
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.903.654.190	4.971.697.497
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.903.654.190	4.971.697.497
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.795.289.767	128.991.522.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	63.738.057.779	74.431.707.897
<i>Nguyên giá</i>	222		147.136.806.028	148.024.701.497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(83.398.748.249)	(73.592.993.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	21.579.521.805	36.003.525.795
<i>Nguyên giá</i>	225		86.449.113.113	86.449.113.113
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(64.869.591.308)	(50.445.587.318)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	18.477.710.183	18.556.288.369
<i>Nguyên giá</i>	228		19.499.985.221	19.499.985.221
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.022.275.038)	(943.696.852)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		340.000.000	340.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(340.000.000)	(340.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.177.874.495
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	-	1.177.874.495
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.100.000.000	1.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.100.000.000	1.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.623.019.557	988.253.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.623.019.557	988.253.688
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305.575.100.803	407.096.578.386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		300.290.629.011	347.413.091.155
I. Nợ ngắn hạn	310		243.831.256.366	283.488.865.718
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	91.268.940.132	98.651.435.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.100.388.097	2.180.584.307
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.224.409.662	1.772.634.221
4. Phải trả người lao động	314		2.364.319.242	9.293.909.249
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.571.415.997	4.205.676.336
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	61.666.667	127.272.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.563.464.073	942.182.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	134.471.381.684	159.766.049.991
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	6.205.270.812	6.549.120.812
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		56.459.372.645	63.924.225.437
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	60.000.000	60.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	56.332.056.330	63.796.909.122
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		67.316.315	67.316.315

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.284.471.792	59.683.487.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	3.493.839.124	57.892.854.563
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.946.628.370	4.946.628.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.907.420.962	62.907.420.962
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(116.890.910.208)	(62.491.894.769)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(62.491.894.769)	21.336.250.457
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(54.399.015.439)	(83.828.145.226)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.790.632.668
1. Nguồn kinh phí	431		1.790.632.668	1.790.632.668
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.575.100.803	407.096.578.386

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thu Thảo

Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	217.676.024.169	321.285.100.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	262.531.981	3.385.292.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.413.492.188	317.899.807.897
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	212.934.408.315	332.662.986.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.479.083.873	(14.763.178.144)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	281.537.407	1.997.817.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.216.814.643	19.886.904.424
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.013.998.090	18.541.744.076
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.637.872.346	14.868.498.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.647.166.055	24.285.978.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(38.741.231.764)	(71.806.742.827)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	339.858.821	2.313.696.068
12. Chi phí khác	32	VI.9	15.997.642.496	14.201.982.386
13. Lợi nhuận khác	40		(15.657.783.675)	(11.888.286.318)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(54.399.015.439)	(83.695.029.145)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	133.116.081
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(54.399.015.439)</u>	<u>(83.828.145.226)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>(10.356)</u>	<u>(15.958)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>(10.356)</u>	<u>(15.958)</u>

Người lập biểu

Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Huỳnh Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(54.399.015.439)	(83.695.029.145)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		27.253.068.987	29.037.350.991
- Các khoản dự phòng	03		2.498.075.354	(4.494.085.141)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.378.829)	392.153.540
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(330.654.237)	(375.965.334)
- Chi phí lãi vay	06		12.013.998.090	18.541.744.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.971.906.074)	(40.593.831.013)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.623.830.263	57.246.720.609
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.916.054.664	8.647.019.980
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.023.596.045)	41.052.815.660
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.974.218.557	1.618.285.898
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.013.998.090)	(14.524.800.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.033.977.275)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(343.850.000)	(4.574.116.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.160.753.275	41.838.116.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.052.885.509)	(2.872.767.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		387.000.000	35.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.837.080.000	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		249.759.997	441.725.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.420.954.488	(2.396.041.615)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		184.727.948.564	307.087.504.462
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(203.774.504.861)	(357.570.654.833)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.968.803.470)	(15.083.567.594)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.015.359.767)	(65.566.717.965)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.433.652.004)	(26.124.642.854)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.667.155.913	41.959.009.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.823.584	(167.211.145)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.261.327.493	15.667.155.913

Người lập biểu



Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán



Huỳnh Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam